

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HS-ST
Ngày 11 – 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Sơn Hùng – Bác sĩ Trưởng trạm y tế xã Khánh Hoà, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Thanh Tiền – Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhứt Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/HSST-QĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn H**, sinh ngày 14/11/2003 tại huyện C, tỉnh An Giang. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo H6; Trình độ học vấn: 05/12. Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc B. Anh, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo H đang bị tạm giam từ ngày 23/10/2024 tại Phân trại Tạm giam khu vực huyện C (nguyên trước đây là Nhà Tạm giữ - Công an huyện C) đến nay.

2. **Trần Văn N**, sinh ngày 24/12/2007 tại huyện C, tỉnh An Giang. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn 03/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn P (đã chết) và bà Lê Thị P1. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn N: Bà Lê Thị P1, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N: Ông Hà Quang V, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A.

- *Bị hại*: Trương Đan H1, sinh ngày 07/10/2006. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Trương Đan H1: Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng*: Dương Hoàng N1, Lê Phước H2, Lê Văn M, Lê Thị M1, Lê Thị H3, Bùi Văn H4, Bùi Văn H5.

Bị cáo H, bị cáo N, người đại diện hợp pháp của bị cáo N; người bào chữa cho các bị cáo N, người đại diện hợp pháp của bị hại H1 có mặt tại phiên tòa. Bị hại H1; những người làm chứng Dương Hoàng N1, Lê Phước H2, Lê Văn M, Lê Thị M1, Lê Thị H3, Bùi Văn H4, Bùi Văn H5 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 15/6/2024, do có mâu thuẫn trước Lê Văn H sinh năm 2003, nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C rủ Trần Văn N sinh ngày 24/12/2007, nơi cư trú: khóm M, phường V, thành phố C đi tìm Trương Đan H1 sinh ngày 07/10/2006, nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C đánh thì N đồng ý. H điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở N về nhà của H lấy 02 cây dao tự chế đưa cho N cất giữ, rồi điều khiển xe chở N đến nhà H1 thì thấy H1 đang đứng trước cửa nhà nên H điều khiển xe dừng xe lại nơi H1 đứng, N cầm dao tự chế bằng 02 tay chém trúng vào vai trái của H1 gây thương tích, bất ngờ bị chém H1 dùng tay chụp lấy phần lưỡi dao thì N rút dao lại làm ngón tay trái của H1 bị thương, nên H1 dùng chân đạp ngã xe, H nhặt cây dao tự chế cầm trên tay phải chém từ trên xuống trúng vào vùng đầu của H1 gây thương tích, rồi H1 và H xông vào câu vật nhau thì được Bùi Văn H4, Bùi Văn H5 can ngăn. H1 được Lê Phước H2 đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh A để cấp cứu, điều trị đến ngày 20/6/2024 xuất viện. Sau khi sự việc xảy ra, H1 yêu cầu xử lý hình sự đối với H, N và yêu cầu bồi thường chi phí điều trị, tổn thất tinh thần tổng cộng 51.000.000 đồng. Hiện gia đình H đã bồi thường cho H1 31.000.000 đồng và H1 đã làm đơn bãi nại, rút yêu cầu xử lý hình sự đối với H. Đồng thời H1 yêu cầu N bồi thường 20.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần.

Ngày 21/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Văn H và Trần Văn N về hành vi cố ý gây thương tích.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 73cm, cán dài 33cm, lưỡi dài 40cm; 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 60cm, cán dài 25cm, lưỡi dài 35cm (*Bút lục số: 255*).

Căn cứ Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 518/24/KLTTCT-TTPY ngày 05/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A, ghi nhận: Trương Đan H1, sinh năm 2006.

1. Các kết quả chính:

- Sẹo vùng đỉnh lệch trái nằm xiên, kích thước (6.5 x 0.2) cm, tỷ lệ là 02% (không hai phần trăm). Gây mẻ bản ngoài xương sọ trái tương ứng với vết sẹo bên ngoài tỷ lệ là 06% (không sáu phần trăm).

Tỷ lệ là 08% (không tám phần trăm).

- Sẹo bả vai trái, kích thước (1.3 x 0.7) cm, tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

- Sây sát đa dạng thẳng mặt trước 1/3 dưới cẳng tay phải để lại vết biến đổi sắc tố, kích thước (1.7 x 0.3) cm, tỷ lệ là 0.5% (không chấm năm phần trăm).

- Sây sát da dạng thẳng mặt ngoài 1/3 trên cánh tay trái để lại vết biến đổi sắc tố, kích thước (03 x 0.1) cm, tỷ lệ là 0.5% (không chấm năm phần trăm).

- Sẹo mặt ngoài 1/3 giữa cánh tay trái, nằm xiên, kích thước (11 x 0.6) cm, tỷ lệ là 03% (không ba phần trăm).

- Sẹo mặt lòng vòng ra mặt lưng liên đốt 1 - 2 ngón 1 bàn tay trái, kích thước (2.5 x 0.1) cm, tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

- 02 (hai) vết sây sát da dạng thẳng không liên tục 1/3 dưới cẳng tay trái để lại vết biến đổi sắc tố: (trăm).

+ Vết 01: kích thước (02 x 0.5) cm, tỷ lệ là 0.5% (không chấm năm phần trăm).

+ Vết 02: kích thước (02 x 0.5) cm, tỷ lệ là 0.5% (không chấm năm phần trăm).

- Sây sát da dạng thẳng mặt trước gối phải để lại vết biến đổi sắc tố, kích thước (6.5 x 0.5) cm, tỷ lệ là 0.5% (không chấm năm phần trăm).

- Sây sát da không liên tục mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải để lại vết biến đổi sắc tố, kích thước (08 x 06) cm, tỷ lệ là 0,5% (không chấm năm phần trăm).

- Sây sát da mặt trước dạng thẳng 1/3 dưới đùi trái để lại vết biến đổi sắc tố, kích thước (06 x 0.1) cm, tỷ lệ là 0.5% (không chấm năm phần trăm).

- Sây sát da dạng thẳng mặt trước trong 1/3 trên cẳng chân trái để lại vết biến đổi sắc tố, kích thước (1.5 x 1.2) cm, tỷ lệ là 0.5% (không chấm năm phần trăm).

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần. Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Trương Đan H1, áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám định là: 16% (mười sáu phần trăm). Tất cả các thương tích trên do vật sắc gây nên (*Bút lục số 72-77*).

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS.HS ngày 08/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang truy tố Lê Văn H và Trần Văn N về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân

của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Đối với bị cáo Lê Văn H: Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "*Cố ý gây thương tích*". Đề nghị xử phạt bị cáo H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, tạm giữ ngày 23/10/2024.

+ Đối với bị cáo Trần Văn N,: Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội "*Cố ý gây thương tích*". Đề nghị xử phạt bị cáo N từ 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo H đã tự nguyện bồi thường số tiền 31.000.000 đồng cho bị hại; quá trình điều tra, bị hại H1 yêu cầu bị cáo N phải có trách nhiệm bồi thường thêm tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần của bị hại đối với bị cáo Trần Văn N số tiền 20.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 1 cây dao tự chế kim loại dài khoảng 73 cm, cán dài 33 cm, lưỡi dài 40 cm, chỗ rộng nhất 05 cm; 01 con dao tự chế kim loại dài 60 cm, cán dài 25 cm, lưỡi dài 35 cm, chỗ rộng nhất là 04 cm.

- Về án phí sơ thẩm: Đề nghị buộc bị cáo H và N, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Văn H và bị cáo Trần Văn N đều thừa nhận hành vi phạm như nội dung Cáo trạng đã nêu và quá trình điều tra. Hai bị cáo không có ý kiến tranh luận hay bào chữa với luận tội của Kiểm sát viên. Hai bị cáo biết hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để sớm trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn N trình bày: Thống nhất với nội dung Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, không tranh luận, người bào chữa và Kiểm sát viên, mong Hội đồng giảm nhẹ tội cho con bà là cháu N.

Bị hại Trương Đan H1 vắng mặt không rõ lý do.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Trương Đan H1 trình bày: Thống nhất với nội dung Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, không tranh luận với bị cáo, người bào chữa và Kiểm sát viên; về nội dung sự việc cũng đã lỡ xảy ra, sau khi xảy ra sự việc bên bị cáo H đã bồi thường số tiền 31.000.000 đồng, bị cáo H thì chưa tuy nhiên thấy hoàn cảnh của bị cáo cũng khó khăn nên tại phiên toà đại diện bị hại rút phần yêu cầu này, không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Người làm chứng Dương Hoàng N1, Lê Phước H2, Lê Văn M, Lê Thị M1, Lê Thị H3, Bùi Văn H4, Bùi Văn H5 trình bày phù hợp như nội dung vụ án đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N trình bày: Thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, khi quyết định hình phạt có xem xét việc bị cáo là người dưới 18, đề nghị Hội đồng có xem xét thêm các chế độ, chính sách của người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo N; hơn nữa, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã biết sai và nhận lỗi, có hoàn cảnh khó khăn nên chưa khắc phục được hậu quả, bị cáo có sự hạn chế trong nhận thức pháp luật. Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, do đó đề nghị xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, thống nhất quan điểm bào chữa của người bào chữa. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, hai bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo N, người bào chữa, và người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt, riêng những người tham gia tố tụng còn lại gồm bị hại và người làm chứng đều vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt văn bản hợp lệ. Xét thấy, những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, việc vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng hay trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sau đây viết tắt là Bộ luật Tố tụng Hình sự), Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, xét thấy hành vi tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử, nhận thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, có cơ sở xác định:

Khoảng 12 giờ ngày 15/6/2024, do có mâu thuẫn trước Lê Văn H rủ Trần Văn N đi tìm Trương Đan H1 đánh thì N đồng ý. H điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở

N về nhà của H lấy 02 cây dao tự chế đưa cho N cất giữ, rồi điều khiển xe chở N đến nhà H1 thì thấy H1 đang đứng trước cửa nhà nên H điều khiển xe dừng lại nơi H1 đứng, N cầm dao tự chế bằng 02 tay chém trúng vào vai trái của H1 gây thương tích, bất ngờ bị chém nên H1 dùng tay đỡ, H nhặt cây dao tự chế cầm trên tay phải chém từ trên xuống trúng vào vùng đầu của H1 gây thương tích, sau được Bùi Văn H4, Bùi Văn H5 can ngăn. Hậu quả: bị hại H1 bị thương tích trên cơ thể với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên, tổng cộng là 16% (Mười sáu phần trăm).

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H và bị cáo N đều đã trên 16 tuổi, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hai bị cáo nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nên xét thấy hành vi của hai bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 22/CT-VKSCP ngày 08/4/2025 truy tố đối với hai bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Trong vụ án này, hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội được xem là đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể mà cùng thống nhất ý chí và có hỗ trợ cho nhau trong thực hiện tội phạm. Trong đó, bị cáo H là người chủ động, rủ rê bị cáo N đánh H1, chỉ vì mâu thuẫn cá nhân, bị cáo không những không lựa chọn cách giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật mà còn chủ động rủ rê người khác cùng tham gia thực hiện hành vi bạo lực, chuẩn bị hung khí nguy hiểm, thể hiện rõ sự chuẩn bị trước về mặt ý chí và phương tiện. Bị cáo H là người giữ vai trò chính, chủ động rủ rê, xúi giục bị cáo N cùng thực hiện tội phạm; bị cáo H có vai trò tích cực trong việc chuẩn bị hung khí thực hiện tội phạm. Vì vậy, có xem xét đến tính chất và mức độ tham gia của từng bị cáo trong đồng phạm khi quyết định hình phạt. Hành vi dùng dao tự chế chém vào vùng đầu của bị hại – là vùng trọng yếu của cơ thể – cho thấy bị cáo hoàn toàn nhận thức được tính chất nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ là sự bộc phát nhất thời mà còn thể hiện rõ ý thức xem thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác.

Đối với bị cáo N, mặc dù khi bị cáo gặp bị cáo H không nói gì nhưng đã ngầm hiểu bị cáo H rủ bị cáo đi đánh H1, biết vậy nhưng bị cáo không ngăn cản mà ngược lại bị cáo còn ủng hộ, tiếp thêm ý chí cho bị cáo H. Khi tham gia, bị cáo tự nguyện mang theo và trực tiếp sử dụng dao tự chế chém vào vùng vai trái của H1 – là vùng gần các bộ phận quan trọng, dễ gây nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng. Hành vi phạm tội của hai bị cáo đã để lại tổn thương đáng kể về thể chất và tinh thần cho bị hại, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư nơi xảy ra vụ việc, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Mặc dù, vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N chưa đủ 18 tuổi, nhưng qua diễn biến sự việc cho thấy bị cáo hoàn toàn đủ khả năng nhận thức được hậu quả của hành vi mình thực hiện. Do đó, khi xem xét quyết định hình phạt, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, mới đủ tính răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời tuyên truyền, phòng ngừa chung trong xã hội, thể hiện sự nghiêm minh, công bằng của pháp luật.

[2.3] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo trong vụ án đều không có tiền án, tiền sự.

[2.4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Văn N không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo Lê Văn H có hành vi rủ rê bị cáo Trần Văn N cùng thực hiện hành vi khi bị cáo Trần Văn N chưa đủ 18 tuổi. Do đó, bị cáo Lê Văn H thuộc trường hợp “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

- Đối với bị cáo H: Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

- Đối với bị cáo N: Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo N có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N là người dưới 18 tuổi (Tại thời điểm phạm tội Trần Văn N có độ tuổi từ 16 tuổi 02 tháng 21 ngày đến 16 tuổi 08 tháng 21 ngày. Nên áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội; tinh thần Luật Tư pháp Người chưa thành niên để áp dụng hình phạt đối với bị cáo; có hoàn cảnh khó khăn nên chưa khắc phục được hậu quả, bị cáo có sự hạn chế trong nhận thức pháp luật nên cần xem xét cho bị cáo, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã xét hỏi ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc B trong số tiền bỏ ra bồi thường cho bị hại là 31.000.000 đồng trong đó có 5.000.000 đồng để cho N bồi thường cho bị hại, tuy nhiên qua quá trình xét hỏi thì bị cáo N trả lời là bị cáo không có tác động để ông T và bà B bồi thường cho bị hại. Nên bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo N là có căn cứ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo thuộc thành phần không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về biện pháp tư pháp:

[3.1] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi của các bị cáo gây ra thương tích cho bị hại phải nằm viện điều trị, việc này gây ra đau đớn về cơ thể cũng như buồn phiền về tinh thần nên cần phải bồi thường thiệt hại cho bị hại do tổn thất tinh thần là phù hợp. Xét thấy, tỷ lệ gây tổn thương cơ thể của bị hại là 16%, hiện sức khỏe của bị hại đã hồi phục, lao động bình thường, vết thương không ảnh hưởng nhiều đến thẩm mỹ nên xem xét buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại mức tổn thất về tinh thần bằng 08 lần mức lương cơ sở, căn cứ vào Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở hiện nay là 2.340.000 đồng x 08 lần = 18.720.000 đồng là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ việc, bị cáo H đã

chủ động bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 31.000.000 đồng bao gồm chi phí điều trị thực tế 2.649.507 đồng và bồi thường thiệt hại do tinh thần, sức khỏe bị xâm phạm 28.350.493 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc bồi thường của bị cáo H để khắc phục hậu quả là tự nguyện và mức này phù hợp, nên ghi nhận; trong quá trình điều tra, truy tố mặc dù bị hại H1 có yêu cầu bị cáo N phải tiếp tục bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng tuy nhiên bị hại H1 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này hơn nữa tại phiên toà bị hại H1 vắng mặt không rõ lý do mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

[3.2] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 73cm, cán dài 33cm, lưỡi dài 40cm và 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 60cm, cán dài 25cm, lưỡi dài 35cm. Các bị cáo đã sử dụng các vật chứng này làm công cụ gây thương tích cho bị hại nên Hội đồng xét xử quyết định tuyên tịch thu tiêu hủy.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do bị cáo H và bị cáo N là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H; Trần Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/10/2024.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao tự chế kim loại dài khoảng 73 cm, cán dài 33 cm, lưỡi dài 40 cm, chỗ rộng nhất 05 cm; 01 con dao tự chế kim loại dài 60 cm, cán dài 25 cm, lưỡi dài 35 cm, chỗ rộng nhất là 04 cm (*Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú*)

3.2. Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu của bị hại Trương Đan H1 đối với bị cáo Trần Văn N về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng (Bằng chữ Hai mươi triệu đồng)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn H và bị cáo Trần Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Bị cáo H, bị cáo N, người đại diện hợp pháp bị cáo N; người đại diện bị hại H1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án; Bị hại H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Phân trại tạm giam khu vực h. Châu Phú;
- UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú;
- Công an xã, phường nơi các bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Mai